

XUẤT KHẨU



FTA

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong quý 1/2021, xuất khẩu hàng hóa sang nhiều quốc gia mà Việt Nam đã kí kết hiệp định thương mại tự do (FTA) như FTA Việt Nam-EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)¹ hay FTA Việt Nam-Vương quốc Anh (UKVFTA) đều ghi nhận tăng mạnh, tạo đà thuận lợi cho xuất khẩu thời gian tới.

Thời gian tới, các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, UKVFTA sẽ tiếp tục tạo điều kiện để hàng hóa của Việt Nam thâm nhập vào các thị trường đối tác với thuế quan ưu đãi hơn cùng với những cam kết về tạo thuận lợi giảm thiểu các rào cản.

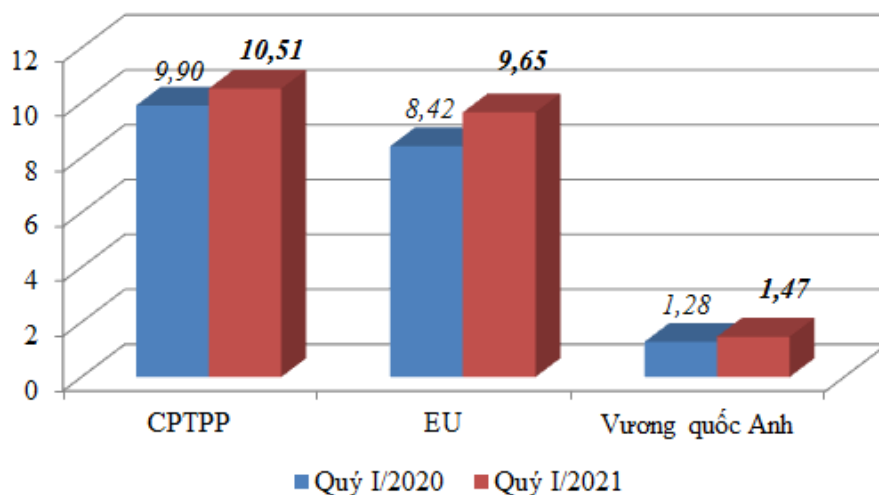
Dù vậy, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản vẫn gặp một số khó khăn, thách thức. Gần đây, các thị trường xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam liên tục đưa ra những thay đổi trong quy định chứng nhận an toàn thực phẩm. Chẳng hạn, đối với thị trường Australia, sản phẩm tôm chưa nấu chín xuất khẩu sang Australia phải được kiểm tra, phân hạng tại cơ sở chế biến được cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu chứng nhận và kiểm soát; không có các dấu hiệu mắc bệnh; mỗi lô tôm sản xuất (sau chế biến) được lấy mẫu xét nghiệm âm tính đối với virus đốm trắng, đầu vàng...

Bộ Công Thương xác định, trong các tháng tiếp theo giải pháp trọng tâm thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa sẽ là củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu, tận dụng tối đa lợi thế từ các FTA đã có hiệu lực; đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, nhập khẩu, đặc biệt là các thị trường nhỏ và thị trường ngách; đa dạng hoá cơ cấu sản phẩm xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm xuất khẩu, phát triển thương hiệu...

¹ Hiện nay, Chile, Peru, Malaysia và Brunei đang tiến hành các thủ tục phê chuẩn Hiệp định CPTPP nên chưa chính thức thực thi Hiệp định.

Biểu đồ 01: Kim ngạch xuất khẩu sang các khối thị trường CPTPP, EVFTA VÀ UKVFTA trong quý 1 năm 2020 và 2021

(ĐVT: tỷ USD)



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 01: Tổng trị giá xuất khẩu theo thị trường các nước thành viên CPTPP, EVFTA và UKVFTA trong quý 1 năm 2021 *

STT	Thị trường	Kim ngạch quý 1/2021 (USD)	So với quý 1/2020 (%)	Tỷ trọng XK của từng khối (%)	Tỷ trọng so tổng XK của cả nước (%)
	*Tổng trị giá XK của cả nước	78.400.928.131	23,98	100	100
1	CPTPP	10.511.859.272	6,22	100	13,41
1.1	Nhật Bản	4.883.184.714	-2,11	46,45	6,23
1.2	Canada	1.126.006.280	15,48	10,71	1,44
1.3	Australia	1.043.916.764	12,93	9,93	1,33
1.4	Malaysia	992.128.463	5,21	9,44	1,27
1.5	Mexico	931.125.943	16,69	8,86	1,19
1.6	Singapore	913.284.799	20,55	8,69	1,16
1.7	Chile	321.286.919	11,81	3,06	0,41
1.8	New Zealand	164.152.377	43,41	1,56	0,21
1.9	Peru	133.878.257	34,80	1,27	0,17
1.10	Brunây	2.894.756	-65,45	0,03	0,00

**Bảng 01: Tổng trị giá xuất khẩu theo thị trường các nước thành viên CPTPP, EVFTA và UKVFTA trong quý 1 năm 2021 * (tiếp)**

STT	Thị trường	Kim ngạch quý 1/2021 (USD)	So với quý 1/2020 (%)	Tỷ trọng XK của từng khối (%)	Tỷ trọng so tổng XK của cả nước (%)
2	EU	9.649.756.606	14,67	100	12,31
2.1	Hà Lan	1.911.055.357	17,70	19,80	2,44
2.2	Đức	1.695.615.099	0,45	17,57	2,16
2.3	Italy	956.888.944	26,13	9,92	1,22
2.4	Áo	845.554.312	1,87	8,76	1,08
2.5	Pháp	800.696.065	3,77	8,30	1,02
2.6	Bỉ	751.878.694	36,54	7,79	0,96
2.7	Tây Ban Nha	564.820.138	2,40	5,85	0,72
2.8	Ba Lan	540.608.669	40,50	5,60	0,69
2.9	Slovakia	288.542.730	55,51	2,99	0,37
2.10	Thụy Điển	270.550.475	-7,51	2,80	0,35
2.11	Hungary	180.118.274	24,39	1,87	0,23
2.12	Séc	131.672.517	51,22	1,36	0,17
2.13	Bồ Đào Nha	130.753.987	42,19	1,35	0,17
2.14	Hy Lạp	87.554.487	24,27	0,91	0,11
2.15	Phần Lan	87.271.442	181,70	0,90	0,11
2.16	Đan Mạch	84.171.637	13,33	0,87	0,11
2.17	Slovenia	84.020.674	38,31	0,87	0,11
2.18	Latvia	54.320.554	2,82	0,56	0,07
2.19	Ireland	42.652.175	37,61	0,44	0,05
2.20	Romania	41.740.359	-15,70	0,43	0,05
2.21	Luxembourg	22.294.543	66,00	0,23	0,03
2.22	Bulgaria	22.240.604	73,12	0,23	0,03
2.23	Lithuania	21.857.927	-18,42	0,23	0,03
2.24	Croatia	14.822.909	-1,34	0,15	0,02
2.25	Estonia	8.508.755	27,08	0,09	0,01
2.26	Síp	7.782.224	-2,21	0,08	0,01
2.27	Malta	1.763.055	-9,13	0,02	0,002
3	Vương quốc Anh	1.468.490.336	14,74	100	1,87

Nguồn: Thống kê từ số liệu của Tổng cục Hải quan

* **Ghi chú:** Các số liệu này là giá trị xuất khẩu thực tế của Việt Nam với từng nước trong bảng, không phân biệt hàng hóa có được hưởng ưu đãi trong khuôn khổ của FTA hay C/O theo cam kết giữa Việt Nam và nước đó hay không



Bảng 02: Kim ngạch xuất khẩu theo nhóm ngành hàng (5 nhóm hàng XK mạnh nhất) đối với thị trường các nước thành viên CPTPP, EVFTA, UKVFTA trong quý 1 năm 2021

STT	Mặt hàng XK chính	Kim ngạch quý 1/2021 (USD)	So với quý 1/2020 (%)	Tỷ trọng (%)
1	Tổng XK sang các nước CPTPP	10.511.859.272	6,22	100
1.1	Điện thoại các loại và linh kiện	1.185.590.519	-6,82	11,28
1.2	Hàng dệt, may	1.143.973.348	-7,65	10,88
1.3	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	1.090.419.327	30,51	10,37
1.4	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	1.079.201.089	22,98	10,27
1.5	Phương tiện vận tải và phụ tùng	929.749.640	-2,96	8,84
2	Tổng XK sang EU	9.649.756.606	14,67	100
2.1	Điện thoại các loại và linh kiện	1.990.748.960	-18,89	20,63
2.2	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	1.440.197.032	38,09	14,92
2.3	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	1.125.737.285	68,95	11,67
2.4	Giày dép các loại	1.068.928.745	18,30	11,08
2.5	Hàng dệt, may	665.988.892	3,11	6,90
3	Tổng XK sang Vương quốc Anh	1.468.490.336	14,74	100
3.1	Điện thoại các loại và linh kiện	422.485.162	-7,27	28,77
3.2	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	210.650.432	64,19	14,34
3.3	Giày dép các loại	146.767.113	10,10	9,99
3.4	Hàng dệt, may	117.627.049	-20,32	8,01
3.5	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	92.076.193	90,31	6,27

Nguồn: Thống kê từ số liệu của Tổng cục Hải quan

*** Ghi chú:** Các số liệu này là giá trị xuất khẩu thực tế của từng mặt hàng sang các nước, không phân biệt hàng hóa có được hưởng ưu đãi trong khuôn khổ của FTA hay C/O theo cam kết giữa Việt Nam và nước đó hay không

Xuất khẩu sang các nước thành viên EVFTA 3 tháng đầu năm 2021

Giá trị	Tỷ trọng	So 2020	Thặng dư
 9,65 tỷ USD	12,31% trên tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước	▲ 14,67%	 5,66 tỷ USD

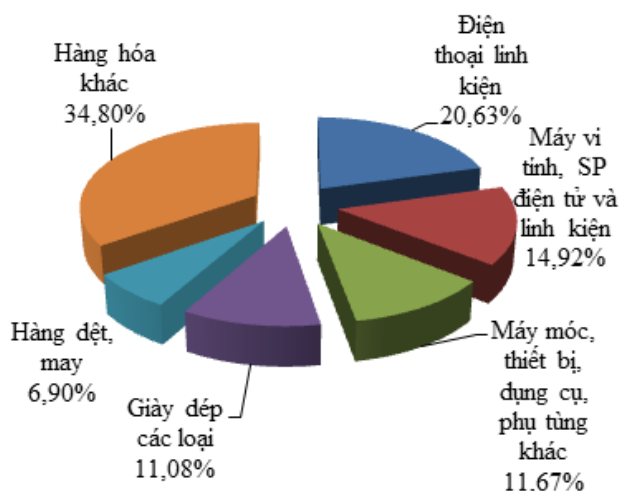
Kể từ khi EVFTA có hiệu lực vào tháng 8/2020, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang EU đã dần được cải thiện và tăng 14,67% trong 3 tháng đầu năm 2021 đạt 9,65 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 12,31% tổng xuất khẩu hàng hóa của cả nước.

Có thể thấy, doanh nghiệp Việt Nam đã nhanh chóng tiếp cận và tận dụng tốt cơ hội từ EVFTA, nhờ đó kết quả xuất siêu trong quý đầu năm 2021 với thị trường EU là 5,66 tỷ USD. Bên cạnh đó, các biện pháp hỗ trợ, xúc tiến thương mại của Chính phủ và các cơ quan liên quan của Việt Nam với thị trường EU đã giúp cho thị trường khó tính này trở thành thị trường xuất khẩu tiềm năng cho doanh nghiệp Việt Nam.

Hà Lan và Đức là 2 thị trường xuất khẩu lớn nhất trong khối thị trường này với tổng kim ngạch quý 1/2021 đạt trên 1,6 tỷ USD. Các mặt hàng xuất khẩu chính sang thị trường này là: Điện thoại các loại và linh kiện chiếm tỷ trọng 20,63%; Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm 14,92%; Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác chiếm 11,08%; Giày dép các loại chiếm 11,08%;...

Biểu đồ 02: Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu sang các nước thành viên EVFTA

(ĐVT: %)



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu sang các nước đối tác CPTPP 3 tháng đầu năm 2021

Giá trị



10,5 tỷ USD

Tỷ trọng

13,41%

trên tổng kim ngạch
xuất khẩu cả nước

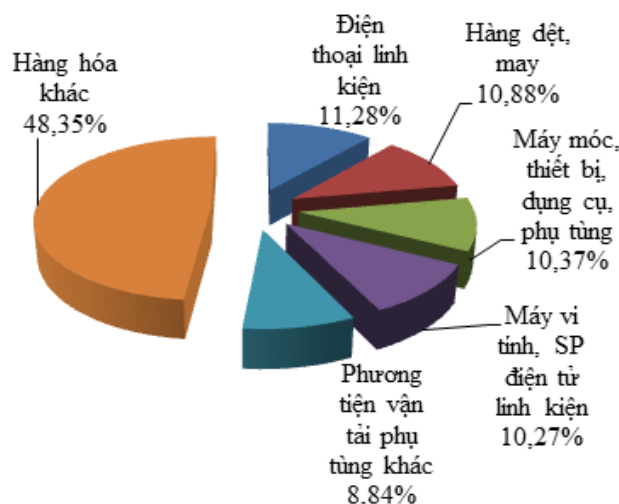
So 2020

▲ 6,22%

Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các đối tác trong CPTPP cũng tăng 6,22% trong quý 1 năm 2021, đạt 10,5 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 13,41% tổng xuất khẩu của cả nước. Trong đó, xuất khẩu sang các thị trường trong khối đạt mức tăng trưởng cao là: Canada tăng 15,48%; Australia tăng 12,93%; Mexico tăng 16,69%; Singapore tăng 20,55%; Chile tăng 25,6%; New Zealand tăng 43,41% và Peru tăng 34,8%. Sau 2 năm chính thức có hiệu lực với Việt Nam (từ ngày 14/1/2019), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được đánh giá đã tác động tích cực tới xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam, giúp chúng ta có cơ hội cơ cấu lại thị trường xuất nhập khẩu theo hướng cân bằng hơn.

Biểu đồ 03: Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP

(ĐVT: %)



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu sang thị trường Anh 3 tháng đầu năm 2021

Giá trị



1,47 tỷ USD

Tỷ trọng

1,87%

trên tổng kim ngạch
xuất khẩu cả nước

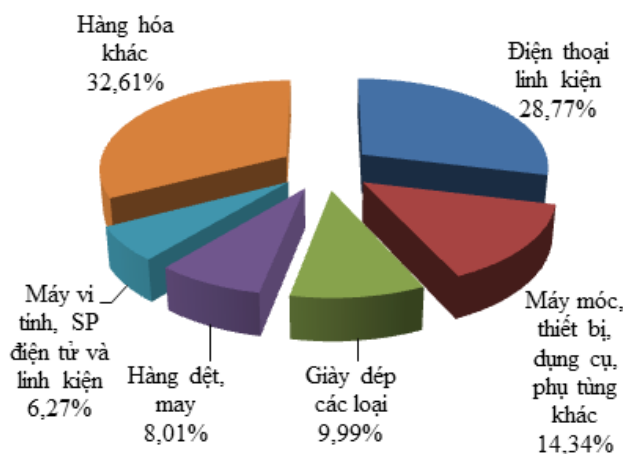
So 2020

▲ 14,74%

Kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Anh cũng tăng 14,74% trong quý đầu năm nay, đạt gần 1,47 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 1,87% tổng xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Sau khi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA) có hiệu lực, kim ngạch song phương giữa hai nước có sự bứt phá ngoạn mục vào tháng đầu năm 2021 trong bối cảnh xuất khẩu sang các thị trường gặp khó khăn do ảnh hưởng từ đại dịch COVID-19. Với những cam kết cắt giảm thuế suất lên đến 99% theo lộ trình cùng tính chất tiếp nối, Hiệp định UKVFTA hứa hẹn duy trì đà tăng trưởng thương mại bứt phá giữa Việt Nam và Anh Quốc trong những năm tiếp theo.

Biểu đồ 04: Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP

(ĐVT: %)



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

NHẬP KHẨU

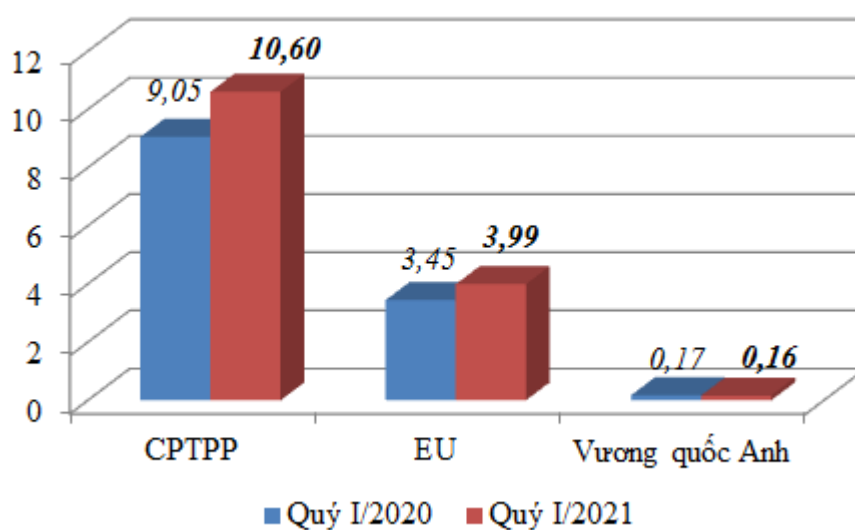
Tổng kim ngạch nhập khẩu
3 tháng đầu năm 2021

75,6 tỷ USD

▲ 27,08%
so cùng kỳ năm 2020

Biểu đồ 05: Kim ngạch nhập khẩu từ các khối thị trường CPTPP, EVFTA VÀ UKVFTA trong quý 1 năm 2020 và 2021

(ĐVT: tỷ USD)



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 03: Tổng trị giá nhập khẩu theo thị trường các nước thành viên CPTPP, EVFTA và UKVFTA trong quý 1 năm 2021*

STT	Thị trường	Kim ngạch quý 1/2021 (USD)	So với quý 1/2020 (%)	Tỷ trọng NK của từng khối (%)	Tỷ trọng so tổng NK của cả nước (%)
	*TỔNG GIÁ TRỊ NK CỦA CẢ NƯỚC	75.606.532.579	27,08	100	100
1	CPTPP	10.604.054.762	17,12	100	14,03
1.1	Nhật Bản	5.206.821.385	6,75	49,10	6,89
1.2	Malaysia	2.124.764.218	39,88	20,04	2,81
1.3	Australia	1.631.204.883	51,55	15,38	2,16
1.4	Singapore	1.039.909.178	14,35	9,81	1,38
1.5	Canada	173.869.735	3,60	1,64	0,23
1.6	New Zealand	142.650.837	-7,50	1,35	0,19
1.7	Mexico	126.662.384	-0,89	1,19	0,17

Bảng 03: Tổng trị giá nhập khẩu theo thị trường các nước thành viên CPTPP, EVFTA và UKVFTA trong quý 1 năm 2021* (tiếp)

STT	Thị trường	Kim ngạch quý 1/2021 (USD)	So với quý 1/2020 (%)	Tỷ trọng NK của từng khối (%)	Tỷ trọng so tổng NK của cả nước (%)
1.8	Chile	79.802.964	31,66	0,75	0,11
1.9	Brunây	57.133.455	-56,57	0,54	0,08
1.10	Peru	21.235.723	-28,42	0,20	0,03
2	EU	3.991.823.896	15,86	100	5,28
2.1	Ireland	1.111.950.568	13,64	27,86	1,47
2.2	Đức	834.009.533	13,80	20,89	1,10
2.3	Italy	444.829.938	12,40	11,14	0,59
2.4	Pháp	410.866.755	18,61	10,29	0,54
2.5	Hà Lan	155.453.638	6,93	3,89	0,21
2.6	Hungary	155.078.089	126,84	3,88	0,21
2.7	Tây Ban Nha	140.116.635	16,99	3,51	0,19
2.8	Bỉ	107.802.424	-11,17	2,70	0,14
2.9	Ba Lan	101.841.003	33,46	2,55	0,13
2.10	Thụy Điển	91.546.905	8,32	2,29	0,12
2.11	Áo	79.410.503	20,52	1,99	0,11
2.12	Đan Mạch	54.980.587	16,14	1,38	0,07
2.13	Phần Lan	51.108.609	-4,47	1,28	0,07
2.14	Bồ Đào Nha	39.245.210	64,16	0,98	0,05
2.15	Romania	38.140.997	62,26	0,96	0,05
2.16	Séc	36.725.556	9,83	0,92	0,05
2.17	Hy Lạp	22.828.214	0,07	0,57	0,03
2.18	Bulgaria	22.224.991	21,69	0,56	0,03
2.19	Slovakia	19.348.762	107,08	0,48	0,03
2.20	Luxembourg	12.128.718	-17,71	0,30	0,02
2.21	Croatia	11.011.171	124,14	0,28	0,01
2.22	Síp	10.933.086	-18,72	0,27	0,01
2.23	Malta	10.728.116	7,64	0,27	0,01
2.24	Slovenia	10.325.617	-37,38	0,26	0,01
2.25	Lithuania	9.646.454	210,46	0,24	0,01
2.26	Latvia	5.936.685	-53,62	0,15	0,01
2.27	Estonia	3.605.132	33,00	0,09	0,005
3	Vương quốc Anh	164.893.859	-4,32	100	0,22

Nguồn: Thống kê từ số liệu của Tổng cục Hải quan

* **Ghi chú:** Các số liệu này là giá trị nhập khẩu thực tế của Việt Nam với từng nước trong bảng, không phân biệt hàng hóa có được hưởng ưu đãi trong khuôn khổ của FTA hay C/O theo cam kết giữa Việt Nam và nước đó hay không

Bảng 04: Kim ngạch nhập khẩu theo nhóm ngành hàng (5 nhóm hàng NK mạnh nhất) đối với thị trường các nước thành viên CPTPP, EVFTA, UKVFTA trong quý 1 năm 2021

STT	Mặt hàng NK chính	Kim ngạch quý 1/2021 (USD)	So với quý 1/2020 (%)	Tỷ trọng (%)
1	Tổng NK từ các nước CPTPP	10.604.054.762	17,12	100
1.1	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	2.055.679.005	14,66	19,39
1.2	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	1.435.553.783	-2,86	13,54
1.3	Xăng dầu các loại	540.993.406	51,12	5,1
1.4	Kim loại thường khác	515.276.313	42,86	4,86
1.5	Quặng và khoáng sản khác	453.376.858	198,56	4,28
2	Tổng NK từ EU	3.991.823.896	15,86	100
2.1	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	1.140.249.960	17,31	28,56
2.2	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	835.287.293	19,06	20,92
2.3	Dược phẩm	354.064.915	-6,71	8,87
2.4	Sản phẩm hóa chất	126.464.996	3,99	3,17
2.5	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	110.390.695	105,68	2,77
3	Tổng NK từ Vương quốc Anh	164.893.859	-4,32	100
3.1	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	37.718.696	-36,33	22,87
3.2	Dược phẩm	25.792.171	43,04	15,64
3.3	Sản phẩm hóa chất	13.721.155	45,51	8,32
3.4	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	9.533.316	59,38	5,78
3.5	Ô tô nguyên chiếc các loại	9.040.236	108,07	5,48

Nguồn: Thống kê từ số liệu của Tổng cục Hải quan

* **Ghi chú:** Các số liệu này là giá trị nhập khẩu thực tế của từng mặt hàng sang các nước, không phân biệt hàng hóa có được hưởng ưu đãi trong khuôn khổ của FTA hay C/O theo cam kết giữa Việt Nam và nước đó hay không

Nhập khẩu từ các nước thành viên CPTPP 3 tháng đầu năm 2021

Giá trị



10,6 tỷ USD

Tỷ trọng

14,03%

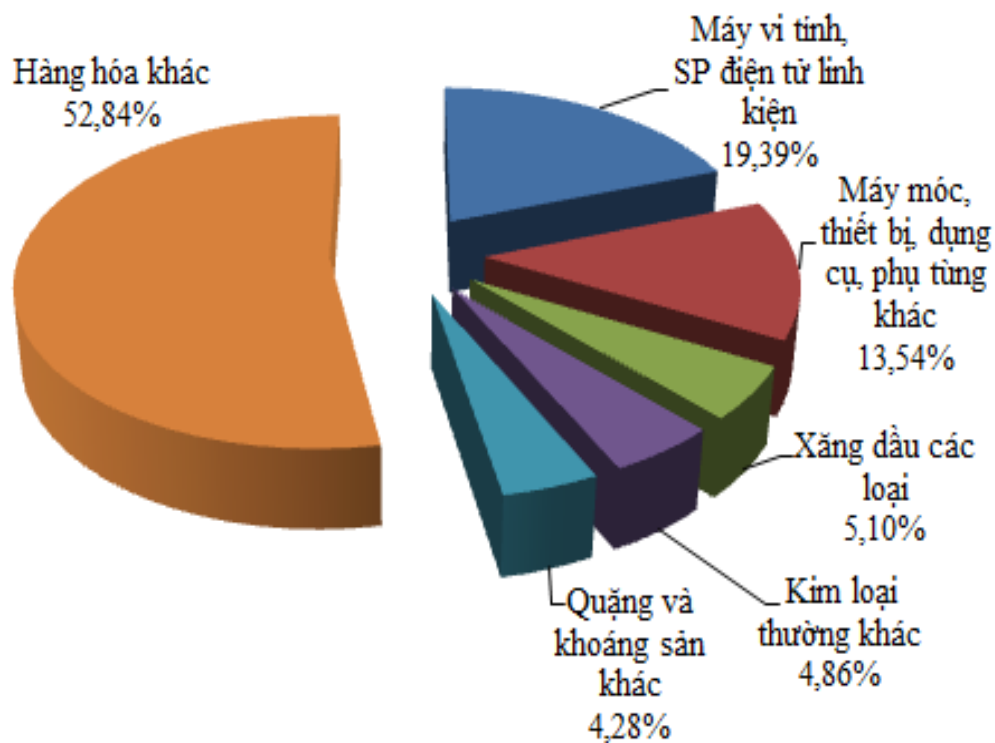
trên tổng kim ngạch
xuất khẩu cả nước

So 2020

▲ 17,12%

Biểu đồ 06: Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu từ các nước thành viên CPTPP quý 1/2021

(ĐVT: %)



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhập khẩu từ khối thị trường EU 3 tháng đầu năm 2021

Giá trị



3,99 tỷ USD

Tỷ trọng

5,28%

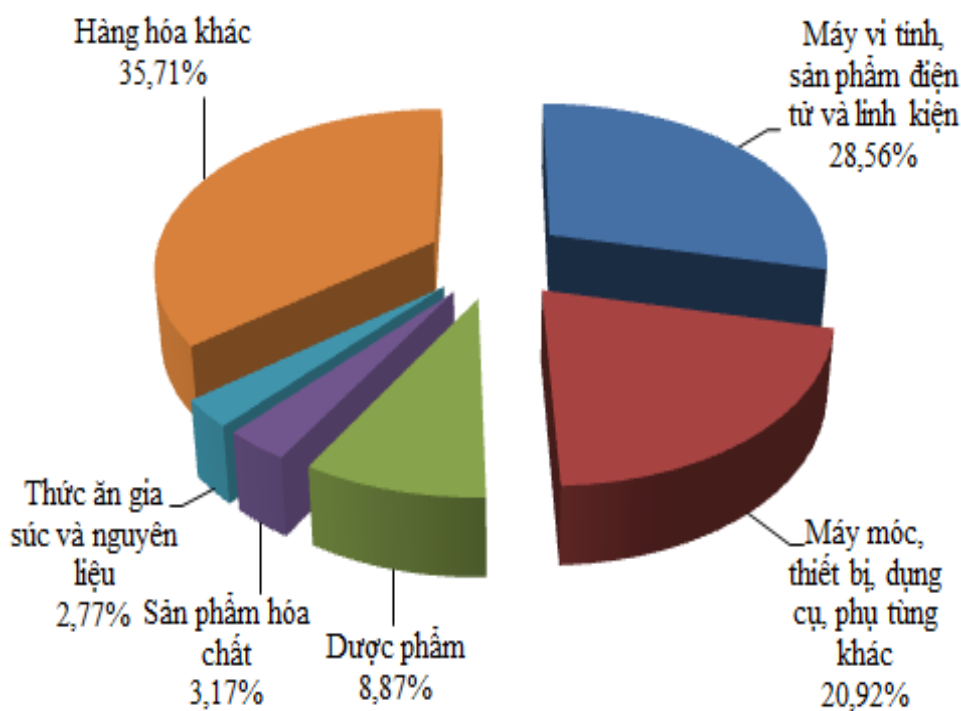
trên tổng kim ngạch
xuất khẩu cả nước

So 2020

▲ 15,86%

Biểu đồ 07: Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu từ các nước thành viên EVFTA quý 1/2021

(ĐVT: %)



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhập khẩu từ Vương quốc Anh 3 tháng đầu năm 2021

Giá trị



164,89 triệu USD

Tỷ trọng

0,22%

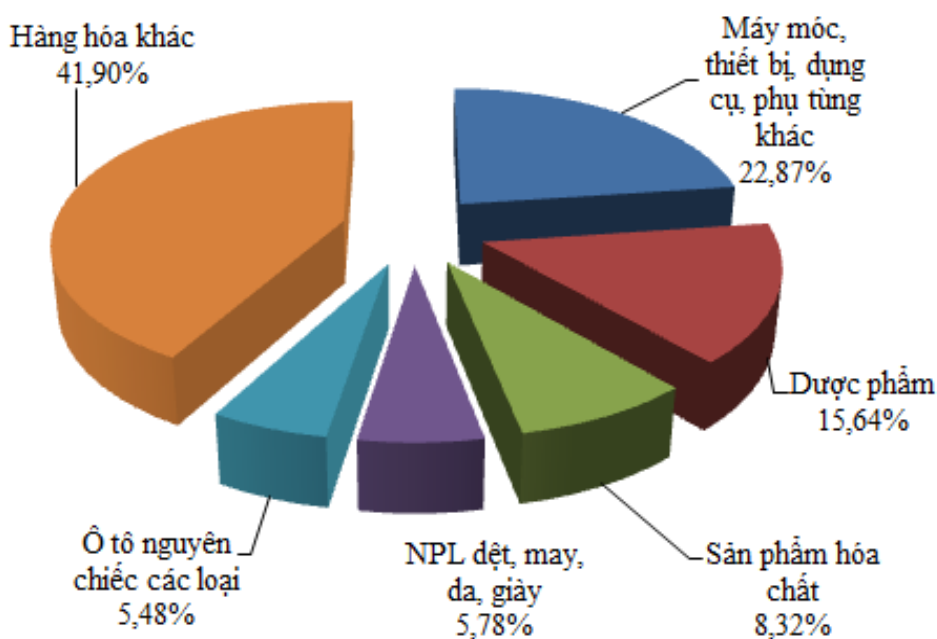
trên tổng kim ngạch
xuất khẩu cả nước

So 2020

▼ **4,32%**

Biểu đồ 08: Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu từ Vương quốc Anh quý 1/2021

(ĐVT: %)



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan